TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẬP** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2019
V/v Tranh chấp về Hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP- TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Mẫu.

*Các hội thẩm nhân dân:*1. Ông Thẩm Văn Minh.

2. Ông Nguyễn Ngọc Thưởng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Cấn Trường Trung – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nga, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983. Có mặt.

Trú quán: Khu Xuân Tân, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hà Công T - Sinh năm 1975. Vắng mặt.

Trú quán: Khu Xuân Tân, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Người có QLNV liên quan:

1, Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1954. Vắng mặt.

Trú quán: Khu Xuân Tân, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

2, Anh Ngô Văn H, sinh năm 1980. Vắng măt (Xin xử vắng mặt).

Trú quán: Khu Trung Tâm, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

3, Anh Đinh Văn T, sinh năm 1982. Vắng măt (Xin xử vắng mặt).

Trú quán: Khu Xuân Hương, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Tôi và anh Hà Công T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2001tại xã Phượng Vỹ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hòa thuận đến năm 2004 thì sẩy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do Anh T thiếu quan tâm đến gia đình, hay uống rượu chè, cờ bạc, tôi cùng gia đình đã góp ý nhiều lần nhưng Anh T không sửa chữa, vợ chồng lại mất lòng tin ở nhau, không có sự đồng cảm, không chăm sóc , quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không khắc phục đ- ợc, vợ chồng đã cát đứt mọi quan hệ từ đầu năm 2019 đến nay.

Nay chị xin được ly hôn Anh T để ổn định cuộc sống.

Bị đơn anh Hà Công T trình bày: Thời gian kết hôn và quá trình chung sống như Chị L trình bày là đúng, vợ chồng sẩy ra mâu thuẫn do hai bên đều nghi ngờ sự chung thủy của nhau, từ đó hay bất đồng quan điểm, vợ tôi còn nghi ngờ tôi nghiện ma túy, chơi cờ bạc, tôi có giải thích nhưng Chị L không tin.

Nay Chị L xin ly hôn tôi không nhất trí ly hôn vì tôi vẫn còn tình cảm với Chị L và mong Chị L rút đơn để về đoàn tụ.

Về con chung: Chị L và Anh T trình bày vợ chồng có hai con chung là:

Hà Công Minh, sinh ngày 19/7/2002 và Hà Thị A, sinh ngày 07/02/2005. Sau ly hôn Chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Hà Thị A, kể từ khi ly hôn đến khi con trưởng thành, để Anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Công Minh. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con với bên nào.

Anh T trình bày: Nếu ly hôn anh xin nuôi cả hai con chung, anh tự nguyện không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Chị L trình bày: Vợ chồng có những tài sản như sau:

Thửa đất số 247, tờ bản đồ số: 82, diện tích 187,50 m2 đất thổ cư, đã được cấp giấy CNQSD đất tại khu Xuân Hương xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; 01 nhà xây cấp bốn năm gian làm năm 2013; 03 giường đôi; 01 bình nóng lạnh; đất làm nhà mẹ Anh T đã chia cho vợ chồng, địa chính xã Lương sơn đã về đo đạc nhưng chưa được cấp giấy CNQSD đất . Nếu ly hôn tôi đề nghị tòa án định giá toàn bộ tài sản chung của vợ chồng và chia đôi. Tôi xin sử dụng thửa đất 187,50 m2, để Anh T sử dụng nhà và đất có nhà cùng những tài sản còn lại, bên nào có giá trị lớn hơn thì thanh toán chênh lệch cho bên kia.

Anh T trình bày: Những tài sản chung của vợ chồng Chị L trình bày ở trên là đúng. Nếu ly hôn toàn bộ tài sản chung chia đôi bằng hiện vật, không chia bằng giá trị,

Về vay nợ: Chị L và Anh T xác nhận còn nợ như sau:

Nợ anh T, khu Xuân Hương số tiền: 2.700.000đ;

Nợ anh H ở khu Trung tâm xã Lương sơn số tiền 3.460.000đ. Nếu ly hôn hai bên thỏa thuận công nợ chia đôi mỗi người trả 1/2 là 3.080.000đ. Tại bản tự khai Chị L trình bày: số tiền nợ của anh Tuấn và anh Hùng hiện nay chưa rõ ràng nên chị không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Tại biên bản hòa giải anh chị đề nghị công nợ để vợ chồng tự giải quyết.

Anh Ngô Văn H trình bày: Hiện nay Anh T và Chị L còn nợ anh số tiền là 3.460.000đ, anh đề nghị vợ chồng Anh T và Chị L trả cho anh số tiền này, anh không tính lãi.

Anh Đinh Văn T trình bày: Hiện nay Anh T và Chị L còn nợ anh số tiền là 2.400.000đ, anh đề nghị vợ chồng Anh T và Chị L trả cho anh số tiền này, anh không tính lãi.

Về công sức: Chị L và Anh T không đề nghị giải quyết.

Người có QLNVLQ Bà Trần Thị Ch trình bày: tôi đề nghị tòa án hòa giải để các con tôi về đoàn tụ, nếu không đoàn tụ được thì đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Còn về tài sản chung của vợ chồng như anh chị trình bày ở trên tôi thấy đúng như vậy. Nếu anh chị ly hôn tôi đề nghị anh chị thanh toán tiền công sức cho tôi theo quy định pháp luật.

Chị L trình bày: Tôi không nhất trí như quan điểm của Anh T về chia tài sản mà tôi vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên và không nhất trí thanh toán một đồng nào tiền công sức cho ba Ch.

Anh T và ba Ch vẫn giữ quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn, bị đơn, Người có QLNVLQ đã chấp hành đúng quy định của Pháp luật. Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 56, 58, 59 và điều 62 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hà Công T , về con chung: Giao cho Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Hà Thị A, sinh ngày 07/02/2005, kể từ khi ly hôn đến khi con trưởng thành, để Anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Công Minh, sinh ngày 19/7/2002 . Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con với bên nào.

3. Về tài sản chung:

Xử giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 247, tờ bản đồ số: 82, diện tích: 187,50m2 đất thổ cư trị giá: 30.000.000đ. giấy CNQSD đất số: CK 213163 ngày 02/8/2017 đứng tên anh Hà Công T và chị Nguyễn Thị L. Địa chỉ thửa đất ở Khu Xuân Hương, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Xử giao cho anh Hà Công T được quyền sở hữu và sử dụng những tài sản còn lại có tổng giá trị là: 392.422.000đ, gồm: 01 nhà xây cấp bốn 04 gian làm năm 2013+ 01 nhà bếp xây + 65 m2 sân ba ta trị giá: 320.000.000đ; 03 giường đôi, trị giá: 1.200.000đ; 01 bình nóng lạnh trị giá: 500.000đ; Thửa số 03, tờ bản đồ số 81, diện tích: 674,2 m^2, trong đó có 400 m2 đất thổ cư trị giá: 64.000.000đ; 274,2 m2 đất cây lâu năm trị giá: 6.722.000đ, thửa đất này đã được cấp theo quyết định cấp đất số: 1842/ QĐ-UBND của UBND huyện Yên Lập ngày 26 /12 /2014 cấp cho anh Hà Công T và chị Nguyễn Thị L. Địa chỉ thửa đất ở Khu Xuân Tân, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Anh Hà Công T có nghĩa vụ trả nợ và thanh toán cụ thể như sau:

1, Anh Ngô Văn H số tiền là 3.460.000đ (Ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

2, Anh Đinh Văn T số tiền là 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

3, Tiền sử dụng đất thửa số 03, tờ bản đồ số 81: 20.000.000đ, tiền thuế trước bạ nhà đất: 200.000đ và số tiền phạt chậm nộp: 8.617.320đ, tổng các khoản phải nộp là: 28.817.320đ (Hai Mươi tám triệu, tám trăm mười bảy nghìn, ba trăm hai mươi đồng).

4. Tiền công sức cho Bà Trần Thị Ch là: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Số tiền Anh T trả nợ và thanh toán sẽ được khấu trừ vào vào tài sản chung của vợ chồng. Anh T sử dụng tài sản nhiều hơn phải thanh toán chênh lệch chia tài sản cho Chị L số tiên là: 153.872.340đ (Một trăm, năm mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi dồng).

Về án phí: Chị L, Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hà Công T tự nguyện kết hôn , có đăng ký kêt hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phượng Vỹ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ngày 20 tháng 10 năm 2001, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống chỉ hòa thuận được thời gian ngắn thì sẩy ra mâu thuẫn do mất lòng tin ở nhau, nên thường bất đồng quan điểm, từ đó vợ chồng thiếu quan tâm đến nhau, không tôn trọng yêu thương nhau. Qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của mẹ đẻ Anh T là Bà Trần Thị Ch thì thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng như Chị L trình bày là đúng. Xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa Chị L và Anh T không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Viêc Chị L xin ly hôn Anh T là đúng với thực tế, có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, nên cần xử cho Chị L được ly hôn Anh T.

Việc Anh T không nhất trí ly hôn là không có căn cứ, không đúng với thực tế và không phù hợp với quy định pháp luật, chủ yếu muốn gây khó khăn cho Chị L nên không chấp nhận.

Về con chung: Chị L và Anh T có hai con chung , Anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung nhưng Anh T lại thiếu quan tâm đến gia đình và không có nghề nghiệp ổn định, nên giao cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Công Minh, sinh ngày 19/7/2002, giao cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Thị A, sinh ngày 07/02/2005 là phù hợp, Anh T và Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Về tài sản chung: Chị L và Anh T trình bày: Vợ chồng có những tài sản chung và được hội đồng định giá như sau:

Thửa đấtsố 247, tờ bản đồ số: 82, diện tích: 187,50m2 đất thổ cư trị giá: 30.000.000đ, đã được cấp giấy CNQSD đất số: CK 213163 ngày 02/8/2017, tại khu Xuân Hương xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 81, diện tích 400 m2 đất thổ cư trị giá: 64.000.000đ; 274,2 m2 đất cây lâu năm trị giá: 6.722.000đ, Thửa đất này có quyết định cấp đất số: 1842/ QĐ-UBND của UBND huyện Yên Lập ngày 26 /12 /2014 (Hiện nay Anh T, Chị L chưa nộp được tiền sử dụng đất: 20.000.000đ, tiền thuế trước bạ nhà đất: 200.000đ và số tiền phạt chậm nộp:8.617.320đ, tổng các khoản phải nộp là: 28.817.320đ, số tiền này sẽ được khấu trừ vào vào tài sản chung của vợ chồng nếu ai sử dung thửa đất này sẽ phải có nghĩa vụ nộp số tiền này tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, nếu không nộp sau này phát sinh thêm tiền phạt chậm nộp thì người được sử dụng thửa đất này phải chịu trách nhiệm) . 01 nhà xây cấp bốn 04 gian làm năm 2013+ 01 nhà bếp xây + 65 m2 sân ba ta trị giá: 320.000.000đ; 03 giường đôi, trị giá: 1.200.000đ; 01 bình nóng lạnh trị giá: 500.000đ;

Tổng giá trị tài sản là: 422.422.000đ.

Chị L xin sử dụng thửa đất số 247, tờ bản đồ số: 82, diện tích: 187,50m2 đất thổ cư trị giá: 30.000.000đ. Để Anh T sử dụng những tài sản còn lại có tổng giá trị là: 392.422.000đ gồm: 01 nhà xây cấp bốn 04 gian làm năm 2013+ 01 nhà bếp xây + 65 m2 sân ba ta trị giá: 320.000.000đ; 03 giường đôi, trị giá: 1.200.000đ; 01 bình nóng lạnh trị giá: 500.000đ; Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 81, diện tích: 674,2 m^2, trong đó có 400 m2 đất thổ cư trị giá: 64.000.000đ; 274,2 m2 đất cây lâu năm trị giá: 6.722.000đ, theo quyết định cấp đất số: 1842/ QĐ-UBND của UBND huyện Yên Lập ngày 26 /12 /2014. Anh T phải thanh toán chênh lệch chia tài sản cho Chị L. Đề nghị của Chị L là phù hợp

với quy định tại điều 59 và điều 62 của luật HNGĐ nên chấp nhận. Nhưng số tiền anh chị chưa nộp được tiền sử dụng đất: 20.000.000đ, tiền thuế trước bạ nhà đất: 200.000đ và số tiền phạt chậm nộp:8.617.320đ, tổng các khoản phải nộp là: 28.817.320đ, số tiền này sẽ được khấu trừ vào vào tài sản chung của vợ chồng nếu ai sử dung thửa đất này sẽ phải có nghĩa vụ nộp số tiền này tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, nếu không nộp sau này phát sinh thêm tiền phạt chậm nộp thì người được sử dụng thửa đất này phải chịu trách nhiệm.

Anh T đề nghị chia đôi toàn bộ tài sản chung của vợ chồng bằng hện vật là không phù hợp với thực tế nên không thể chấp nhận được.

Về công nợ: Chị L và Anh T đều trình bày vợ chồng con nợ anh Hùng số tiền là 3.460.000đ và nợ anh Tuấn số tiền là 2.700.000đ đều ở xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Anh chị đề nghị để vợ chồng tự giải quyết.

Anh Ngô Văn H trình bày: Hiện nay Anh T và Chị L còn nợ anh số tiền là 3.460.000đ, anh đề nghị vợ chồng Anh T và Chị L trả cho anh số tiền này, anh không tính lãi.

Anh Đinh Văn T trình bày: Hiện nay Anh T và Chị L còn nợ anh số tiền là 2.400.000đ, anh đề nghị vợ chồng Anh T và Chị L trả cho anh số tiền này, anh không tính lãi.

Tại phiên Tòa Chị L chấp nhận số nợ anh Hùng và anh Tuấn yêu cầu . Chị đề nghị công nợ sẽ chia đôi Anh T và Chị L mỗi người trả ½. Xét thấy đề nghị của Chị L là có căn có, đúng với thực tế và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Nhưng để tiện cho việc trả nợ ai sử dụng tài sản nhiều hơn sẽ khấu trừ vào phần thanh toán chênh lệch tài sản và giao cho người đó đứng ra trả nợ.

Về công sức: Chị L và Anh T không đề nghị giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi liên quan: Bà Trần Thị Ch đề nghị Anh T và Chị L phải thanh toán công sức cho bà theo quy định pháp luật. Vì bà có công sức đóng góp khi anh chị làm nhà và nguồn gốc thửa đất anh chị làm nhà là của bà nên bà không đồng ý cho anh chị chia khi ly hôn, vì anh chị đã có đất thổ cư rồi . Tòa án đã nhiều lần triệu tập ba Ch để yêu cầu ba Ch cung cấp chứng cứ về việc bà đã đóng góp công sức khi Chị L và Anh T xây nhà, nhưng ba Ch đều vắng mặt và không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Thửa đất trên qua xác minh và báo cáo của UBND xã Lương Sơn là do nhà nước cấp lần đầu cho Anh T, Chị L tại quyết định cấp đất số: 1842/ QĐ-UBND của UBND huyện Yên Lập ngày 26 /12 /2014. Xét thấy: Tuy ba Ch không ở cùng vợ chồng Anh T và Chị L, nhưng trong thời gian anh chị làm nhà do anh chị thường xuyên đi làm vắng, ba Ch thường xuyên đi lại, trông nom, quán xuyến và dọn dẹp. Về thửa đất số 03, tờ bản đồ số 81 theo quyết định cấp đất số: 1842/ QĐ-UBND của UBND huyện Yên Lập ngày 26 /12 /2014 giao cho Anh T Chị L, nhưng về nguồn gốc ba Ch có công khai phá từ trước, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Lời trình bày của ba Ch có căn cứ nên chấp nhận, mặc dù ba Ch không chứng minh được mức đóng góp cụ thể. Nhưng khi giải quyết chia tài sản chung của Anh T và Chị L cung cần trích một phần để thanh toán công sức cho ba Ch khoảng 20.000.000đ. Nhưng sẽ giao cho bên sử dụng tài sản nhiều hơn đứng ra thanh toán.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn, Chị L và Anh T phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 điều 56, 58, 59, 60, 62, 81, 82 và 83 Điều luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 227, 233 và điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điều 26 luật thi hành án dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hà Công T.

2. Về con chung:

- Xử giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Hà Thị A, sinh ngày 07/02/2005 kể từ khi ly hôn đến khi con trưởng thành,

- Xử giao cho anh Hà Công T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Công Minh, sinh ngày 19/7/2002 kể từ khi ly hôn đến khi con trưởng thành.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con với bên nào.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung:

Xử giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 247, tờ bản đồ số: 82, diện tích: 187,50m2 đất thổ cư trị giá: 30.000.000đ. giấy CNQSD đất số: CK 213163 ngày 02/8/2017 đứng tên anh Hà Công T và chị Nguyễn Thị L. Địa chỉ thửa đất ở Khu Xuân Hương, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Xử giao cho anh Hà Công T được quyền sở hữu và sử dụng những tài sản còn lại có tổng giá trị là: 392.422.000đ, gồm: 01 nhà xây cấp bốn 04 gian làm năm 2013+ 01 nhà bếp xây + 65 m2 sân ba ta trị giá: 320.000.000đ; 03 giường đôi, trị giá: 1.200.000đ; 01 bình nóng lạnh trị giá: 500.000đ; Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 81, diện tích: 674,2 m^2, trong đó có 400 m2 đất thổ cư trị giá: 64.000.000đ; 274,2 m2 đất cây lâu năm trị giá: 6.722.000đ, thửa đất này đã được cấp theo quyết định cấp đất số: 1842/ QĐ-UBND của UBND huyện Yên Lập ngày 26 /12 /2014 cấp cho anh Hà Công T và chị Nguyễn Thị L. Địa chỉ thửa đất ở Khu Xuân Tân, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Anh Hà Công T có nghĩa vụ trả nợ và thanh toán cụ thể như sau:

1, Anh Ngô Văn H số tiền là 3.460.000đ (Ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

2, Anh Đinh Văn T số tiền là 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

3, Tiền sử dụng đất thửa số 03, tờ bản đồ số 81: 20.000.000đ, tiền thuế trước bạ nhà đất: 200.000đ và số tiền phạt chậm nộp: 8.617.320đ, tổng các khoản phải nộp là: 28.817.320đ (Hai Mươi tám triệu, tám trăm mười bảy nghìn, ba trăm hai mươi đồng).

4. Tiền công sức cho Bà Trần Thị Ch là: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Số tiền Anh T trả nợ và thanh toán sẽ được khấu trừ vào tài sản chung của vợ chồng. Anh T sử dụng tài sản nhiều hơn phải thanh toán chênh lệch chia tài sản cho Chị L số tiền là: 153.872.340đ (Một trăm, năm mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 10.448.440đ (Mười triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) án phí chia tài sản. Tổng là 10.748.440đ (Mười triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi đồng). Xác nhận Chị L đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: A A/2018/ 0001059 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Chị L còn phải nộp 10.448.440đ (Mười triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi đồng). Anh Hà Công T phải nộp 10.448.440đ (Mười triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) án phí chia tài sản.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị L được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Báo cho Anh T và những người có QLNVLQ vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Yên Lập;*
- *Chi cục THADS huyện Yên Lập;*
- *UBND Phượng Vỹ, huyện Cẩm Khê;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Mẫu